Một số vấn đề về phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

Nguyễn Thu Hằng
Bạch Thị Huyên
Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên

Phân tích báo cáo tài chính có vai trò rất quan trọng đối với mọi nhà quản trị trong nền kinh tế thị trường có quan hệ mật thiết với nhau. Đó là công cụ hữu ích được dùng để xác định giá trị kinh tế, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó phát hiện ra các nguyên nhân khách quan, chủ quan giúp cho từng nhà quản trị lực chọn và đưa ra quyết định phù hợp với mục tiêu mà họ quan tâm.

1. Ý nghĩa của phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

Trong quá trình phân tích các chuyên gia phân tích không chỉ đơn thuần đánh giá tình hình tài chính của các doanh nghiệp qua các chỉ tiêu mà còn phải đi sâu vào tìm hiểu bản chất và đánh giá thực chất biến động của các chỉ tiêu tài chính như thế nào. Từ đó đưa ra các biện pháp ảnh hưởng tích cực đến các chỉ tiêu tài chính nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và phù hợp với xu thế biến đổi của các quy luật khách quan trong nền kinh tế của thị trường.

- Đối với các nhà quản trị doanh nghiệp: phân tích báo cáo tài chính cung cấp các thông tin tình hình tài chính, khả năng trả nợ, sinh lời,... để có quyết định kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Đối với các nhà đầu tư: qua phân tích báo cáo tài chính, họ sẽ biết được khả năng sinh lợi cũng như tiềm năng phát triển của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà cho vay và cung cấp vật tư cho doanh nghiệp: mối quan tâm lớn nhất của họ là khả năng thanh toán và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước phân tích báo cáo tài chính sẽ cho thấy thực trạng về tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, có biện pháp quản lý hiệu quả hơn.

Từ những ý nghĩa trên, ta thấy phân tích báo cáo tài chính có vai trò rất quan trọng đối với mọi nhà quản trị trong nền kinh tế thị trường có quan hệ mật thiết với nhau. Đó là công cụ hữu ích được dùng để xác định giá trị kinh tế, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó phát hiện ra các nguyên nhân khách quan, chủ quan giúp cho từng nhà quản trị lực chọn và đưa ra quyết định phù hợp với mục tiêu mà họ quan tâm. Do vậy, phân tích báo cáo tài chính là công cụ đắc lực cho các nhà quản trị kinh doanh đạt kết quả và hiệu quả cao nhất.

2. Phương pháp phân tích báo cáo tài chính

Phương pháp phân tích là cách thức tiếp cận đối tượng phân tích đã được thể hiện qua hệ thống chỉ tiêu phân tích, để biết được ý nghĩa và mối quan hệ của các thông tin từ chỉ tiêu phân tích.

- Phương pháp so sánh: là một phương pháp nhằm nghiên cứu sự biến động và xác định mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích. Để áp dụng phương pháp so sánh vào phân tích các báo cáo tài chính của daonh nghiệp, trước hết phải xác định số gốc để so sánh. Việc xác định số gốc để so sánh tùy thuộc vào mục đích cụ thể của phân tích. Giá trị so sánh có thể chọn là số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân.

- Phương pháp loại trừ: được áp dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố độc lập tới chỉ tiêu nghiên cứu. Khi xác định ảnh hưởng của một nhân tố tới các chỉ tiêu phân tích thì sẽ giả định các nhân tố còn lại không thay đổi. Phương pháp này bao gồm: phương pháp thay thế liên hoàn và phương pháp số chênh lệch.

- Vận dụng mô hình tài chính Dupont: Trong phân tích báo cáo tài chính người ta thường sử dụng Mô hình Dupont để phân tích liên hệ giữa các chỉ tiêu tài chính. Nhờ sự phân tích này người ta có thể phát hiện ra những nhân tố đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu phân tích theo một trình tự logic chặt chẽ như vận dụng mô hình Dupont để phân tích hiệu quả kinh doanh trong mối liên hệ giữa các yếu tố đầu vào và kết quả đầu ra của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh nhất định.

Chi phí đầu vào của doanh nghiệp bao gồm: tổng tài sản, tổng chi phí sản xuất kinh doanh, vốn ngắn hạn, vốn chủ sở hữu...

Kết quả đầu ra của doanh nghiệp bao gồm: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ...

Mô hình Dupont trong phân tích tài chính có dạng như sau:

Tỷ suất sinh lời của tài sản = Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân = (Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần) x (Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân)

- Phương pháp liên hệ cân đối: Trong quá trình hoạt động kinh doanh đã hình thành nhiều mối quan hệ cân đối. Cân đối là sự cân bằng giữa các yếu tố với quá trình kinh doanh. Phương pháp cân đối được

sử dụng nhiều trong công tác lập kế hoạch và trong phân tích kinh tế để nghiên cứu các mối liên hệ cân đối trong quá trình kinh doanh, trên cơ sở đó, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động.

3. Nội dung phân tích báo cáo tài chính

3.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính

Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm mục đích đưa ra những nhận định sơ bộ, ban đầu về thực trạng tài chính và sức mạnh tài chính của doanh nghiệp. Qua đó, giúp cho những người sử dụng thông tin có cái nhìn tổng quát về thực trạng tài chính cùng những thuận lợi và khó khăn mà doanh nghiệp sẽ gặp phải, từ đó đưa ra những quyết định phù hợp với tình hình hiện tại và cả định hướng phát triển trong tương lai của doanh nghiệp. Với ý nghĩa đó khi đánh giá khái quát tình hình tài chính nên chỉ dừng lại ở một số nội dung mang tính khái quát, tổng hợp, phản ánh những nét chung nhất thực trạng hoạt động tài chính và an ninh tài chính của doanh nghiệp như: tình hình huy động vốn, mức độ độc lập tài chính, khả năng thanh toán và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.

3.2. Phân tích cấu trúc tài chính

Phân tích cấu trúc tài chính là việc phân tích tình hình huy động, sử dụng vốn và mối quan hệ giữa tình hình huy động với tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Đối với nội bộ doanh nghiệp, phân tích cấu trúc tài chính là cơ sở để các nhà quản trị doanh nghiệp nhận diện được điểm mạnh, điểm yếu của cấu trúc tài chính hiện tại, từ đó tìm ra biện pháp để đạt được cấu trúc tài chính tối ưu. Bên cạnh đó, phân tích cấu trúc tài chính cũng giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được rủi ro về mặt tài chính, từ đó có giải pháp kịp thời giúp doanh nghiệp tránh các rủi ro không đáng có.

Đối với những chủ thể bên ngoài doanh nghiệp, đặc biệt là các tổ chức cho vay, tổ chức cung cấp tín dụng mà doanh nghiệp muốn vay, thì họ phân tích cấu trúc tài chính để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng trước khi ra quyết đinh cho vay. Mặt khác, phân tích mối quan hệ giữa nguồn vốn với tài sản giúp các tổ chức tín dụng đánh giá khả năng bù đắp cho các khoản nợ trong trường hợp doanh nghiệp gặp rủi ro phá sản. Hay đối với các nhà quản lý nhà nước, thì phân tích cấu trúc tài chính của doanh nghiệp để hạn chế những bất ổn của nền kinh tế do doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả và nợ quá nhiều, có nguy cơ về vỡ nợ, phá sản.

3.3. Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán

Tính tự do cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường đang ngày càng thúc đẩy nền kinh tế phát triển, mặt khác, các quan hệ tài chính phát sinh ngày càng nhiều, đa dạng dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn của nhau trên thị trường là thường xảy ra, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có nhu cầu vốn lớn. Do vậy, phân tích tình hình công nợ phải thu, phải trả có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát hiện các dấu hiệu rủi ro tài chính có thể xảy ra.

Khả năng thanh toán là khả năng phản ánh tiềm lực tài chính của doanh nghiệp chi trả được các khoản nợ, các khoản nợ này bao gồm cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Khi đánh giá khả năng thanh toán, người phân tích thường thông qua số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Thuyết minh Báo cáo tài chính được thể hiện qua các chỉ tiêu như hệ số khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tổng quát,...

Sau khi tính toán các chỉ tiêu này thì tiến hành lập bảng để đánh giá bằng cách so sánh giữa kỳ phân tích và kỳ kế hoạch để nhận xét và đưa ra các đánh giá cần thiết.

Khi phân tích khả năng thanh toán khái quát của doanh nghiệp ta thường xác định hệ số khả năng thanh toán chung Hk

Hk = Khả năng thanh toán / Nhu cầu thanh toán

Chỉ tiêu này dựa vào các thông tin của Bảng cân đối kế toán để tính cho một thời điểm hoặc có thể dựa vào số dư của các tài khoản trên hệ thống số kế toán chi tiết, tổng hợp để tính cho một thời kỳ.

Khả năng thanh toán lấy từ chỉ tiêu tổng cộng tài sản mã số 270, nhu cầu thanh toán lấy từ chỉ tiêu nợ phải trả mã số 300 trên Bảng cân đối kế toán.

Khi Hk ≥ 1: Chứng tỏ doanh nghiệp có đủ và thừa khả năng thanh toán, khi đó tình hình thanh toán của doanh nghiệp khả quan, tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh.

Khi Hk < 1: Chứng tỏ doanh nghiệp không có khả năng thanh toán, chỉ tiêu này càng nhỏ có thể dẫn tới doanh nghiệp sắp bị giải thể hoặc phá sản.

3.4 Phân tích hiệu quả kinh doanh

Hiệu quả kinh doanh là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh trình độ sử dụng các nguồn vật lực, tài chính của doanh nghiệp để đạt hiệu quả cao nhất. Phân tích hiệu quả kinh doanh giúp các đối tượng quan tâm đo lường khả năng sinh lời, hiệu quả quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, nâng cao hiệu quả kinh doanh là một trong những biện pháp cực kỳ quan trọng của các doanh nghiệp để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng cao một cách bền vững.

Phân tích hiệu quả kinh doanh là quá trình xem xét mối quan hệ giữa kết quả đầu ra với các yếu tố đầu vào, bao gồm các nội dung: đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản bao gồm cả ngắn hạn và dài hạn, phân tích khả năng sinh lời, phân tích hiệu quả đầu tư và phân tích hiệu quả sử dụng vốn.

3.5. Phân tích rủi ro tài chính

Trong hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng tồn tại cả rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính, hai loại rủi ro này lại có quan hệ mật thiết với nhau. Nếu doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực có rủi ro kinh doanh thấp thì sẽ dễ dàng nhận vay vốn nhiều hơn nên thường có rủi ro tài chính cao; ngược lại, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực có rủi ro kinh doanh cao thì sẽ không dễ dàng để đi vay nên có rủi ro tài chính thấp. Việc xem xét hai loại rủi ro này là cơ sở để doanh nghiệp quyết định đầu tư và huy động vốn kinh doanh.

Rủi ro tài chính là phần rủi ro của chủ sở hữu phải gánh chịu ngoài phần rủi ro kinh doanh cơ bản do doanh nghiệp sử dụng vốn từ các khoản nợ. Để phân tích rủi ro tài chính, chúng ta thường đề cập tới độ lớn đòn bẩy tài chính.

Độ lớn của đòn bẩy tài chính (DFL) là tỷ lệ thay đổi của lợi nhuận sau thuế hoặc lợi nhuận trên cổ phiếu (EPS) khi có sự thay đổi của lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT), được tính như sau:

DFL = (% LNST) / (% EBIT) = (% EPS / % EBIT) = EBIT / EBIT - I

Trong đó: I là chi phí lãi vay

Độ lớn của đòn bẩy tài chính bằng một nếu doanh nghiệp không sử dụng các khoản vay nợ. Khi đó EBIT tăng 100% thì EPS cũng tăng 100% không có rủi ro tài chính. Khi doanh nghiệp càng nhiều nợ vay thì độ lớn đòn bẩy tài chính càng cao, mức độ rủi ro tài chính càng lớn. Như vậy, có thể rút ra những nhận định như sau:

- Khi sức sinh lời của tài sản nhỏ hay có nhiều biến động, thời điểm này cần ưu tiên sử dụng nguồn tài trợ từ vốn chủ sở hữu nhằm tăng khả năng thanh khoản và góp phần ổn định tài chính.

- Khi sức sinh lời của tài sản lớn và ổn định thì nên huy động thêm các nguồn vốn vay nợ để khai thác ưu thế do sự tăng lên của đòn bẩy tài chính.

3.6 Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc thù của công ty cổ phần niêm yết

Các nhà đầu tư thường xem xét các chỉ tiêu tài chính liên quan trực tiếp đến lợi ích của mình để từ đó đưa ra các quyết định mua cổ phiếu hoặc đầu tư vào các lĩnh vực khác với mục đích thu lợi nhuận tối đa từ hoạt động kinh doanh. Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc thù của công ty cổ phần có niêm yết bao gồm các chỉ tiêu: thu nhập một cổ phiếu, chỉ số P/E của cổ phiếu, giá trị theo sổ kế toán một cổ phiếu.

+ Thu nhập cổ phiếu phổ thông

Thu nhập mỗi cổ phiếu (EPS) = Lợi nhuận sau thuế / Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Chỉ tiêu này cho biết cứ một cổ phiếu thì mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế, chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của công ty tốt, đó là nhân tố tăng giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Chỉ tiêu này càng cao là cơ sở chia cổ tức cho các cổ đông cũng cao.

+ Chỉ số P/E của cổ phiếu

Chỉ số P/E của cổ phiếu = Giá thị trường của một cổ phiếu / Thu nhập của một cổ phiếu

Chỉ tiêu này cho biết một đồng thu nhập trên một cổ phiếu, các nhà đầu tư trên thị trường phải bỏ ra bao nhiêu đồng để đầu tư. Chỉ tiêu này càng cao thì càng hấp dẫn các nhà đầu tư, tuy nhiên nếu cao quá cũng không tốt do thị trường chứng khoán quá nóng, còn thấp quá chứng tỏ tình hình tài chính kém.

+ Giá trị ghi sổ kế toán của một cổ phiếu

Giá trị theo sổ kế toán một cổ phiếu = (Tổng tài sản – Nợ phải trả) / Số cổ phiếu đang lưu hành

Chỉ tiêu này cho biết giá trị thật của mỗi cổ phiếu là bao nhiêu tiền. Chỉ tiêu này cao hơn mệnh giá là tốt, đó là nhân tố tích cực thu hút các nhà đầu tư và tăng giá cổ phiếu trên thị trường. Chỉ tiêu này thấp có thể dẫn đến rủi ro về mặt tài chính và có nguy cơ dẫn tới phá sản./.

Tài liệu tham khảo

Lê Thị Bình (2019), Vai trò của phân tích báo cáo tài chính với hoạt động đánh giá tài chính của khách hàng, Tạp chí Tài chính

Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Thà (2015), Giáo trình phân tích tài chính DN, NXB Tài chính.

Phan Tiến Dũng (2011), Phân tích BCTC, NXB Thống kê.

Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh (2013), Giáo trình tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính.